

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 01 - 2022

*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Bùi Đức Hiệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lê Mạnh Nhanh ông Nguyễn Đại Đồng.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Hoàng Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội  
tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Duy Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm 4, thôn H, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* anh Trần Văn B, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị và anh Trần Văn B tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 06/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị làm nghề tự do và sống cùng gia đình anh B ở xã T. Vợ

chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 9 năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh B mải chơi, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, không có khả năng chi trả. Thực tế vợ chồng đã ly thân từ ngày 20/9/2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn nên chị G yêu cầu xin ly hôn anh B.

Về con chung: chị và anh B có một con chung là cháu Trần Tú L, sinh ngày 12/12/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung đang ở với chị, Nay ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chị G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía Bị đơn là anh Trần Văn B: hiện có hộ khẩu và đang cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện M. Tuy nhiên Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh B đều vắng mặt không lý do, cũng như không có văn bản trình bày quan điểm, ý kiến.

Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được giao cho mẹ đẻ của anh B là bà Nguyễn Thị Th. Bà Th nhận trách nhiệm giao tận tay các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh B ngay trong ngày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức phát biểu quan điểm:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn Nguyễn Thị G đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Trần Văn B dù được triệu tập và giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không đến làm việc, nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G.

Về quan hệ hôn nhân: xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã kéo dài, cuộc sống chung không tồn tại, hôn nhân không đạt được mục đích nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Trần Văn B. Về con chung: xét thấy con chung còn nhỏ, từ khi vợ chồng ly thân vẫn ở với mẹ nên đề nghị giao cháu Trần Tú L, sinh ngày 12/12/2018 cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chị G trình bày không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** chị Nguyễn Thị G khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn B có hộ khẩu và nơi cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện M, đã nộp tạm ứng án phí là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Chị G có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh B dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không đến làm việc. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

### **[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị G và anh Trần Văn B tự nguyện kết hôn, có đăng ký, là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của chị G cũng như kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T và ý kiến cung cấp của bà Nguyễn Thị Th là mẹ đẻ của anh B cho thấy: do bất đồng quan điểm lối sống, không tìm được tiếng nói chung, anh B mãi chơi dấn đến nợ nần không quan tâm đến vợ con nên cuộc sống của vợ chồng không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Thực tế từ tháng 9/2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân.

Xét thấy các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh B bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị G và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: xét yêu cầu nuôi con chung Trần Tú L, sinh ngày 12/12/2018 của chị G thì thấy: từ khi vợ chồng ly thân, cháu L vẫn ở cùng chị G, được chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và phát triển B thường. Hiện cháu L còn nhỏ (gần 37 tháng) là con gái nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị G và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, theo đó tiếp tục giao cháu Trần Tú L cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chị G xác nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị G chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Trần Văn B.

2. Về con chung: con chung là cháu Trần Tú L, sinh ngày 12/12/2018 đang ở với chị Nguyễn Thị G. Sau ly hôn, giao cháu Trần Tú L cho chị Nguyễn Thị G tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị G không yêu cầu anh Trần Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: chị Nguyễn Thị G xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00038618 ngày 04/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND xã T (nơi đăng ký kết hôn);
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Đức Hiệp**